



NH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-20

Học phần: Kinh doanh bất động sản

Đề chuẩn 1/2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	37	1,8	01	An	Le'
2	000002	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	38	5,5	01	Anh	Chấn
3	000003	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	39	5,0	01	Anh	le'
4	000004	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	40	5,0	01	Anh	chấn
5	000005	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	41	5,5	01	Anh	le'
6	000006	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	42	2,5	01	Bách	chấn
7	000007	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	43	2,5	01	Bình	le'
8	000008	1101031168	Nguyễn Thắng	Đông	23/08/2005	QT11A	01	44	5,8	01	Đông	chấn
9	000009	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	45	6,8	01	Anh	le'
10	000010	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01	46	4,5	01	Duy	chấn
11	000011	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	47	5,5	1	Duyên	le'
12	000012	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	48	7,0	1	Giang	chấn
13	000013	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	49	5,0	1	Hải	le'
14	000014	1101031359	Lê Thị Diễm	Hàng	17/11/2005	QT11A	01	50	5,8	1	Hàng	chấn
15	000015	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01	51	3,3	1	Hào	le'
16	000016	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	52	6,0	1	hiệp	chấn
17	000017	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	53	6,8	1	Huệ	le'
18	000018	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	54	5,5	1	Huệ	Chấn
19	000019	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	55	7,5	1	Hùng	le'
20	000020	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	56	7,3	1	Hương	chấn
21	000021	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	57	6,5	1	Hương	le'
22	000022	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	58	6,3	1	Huy	chấn
23	000023	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	59	2,5	1	Huyền	le'
24	000024	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	60	5,8	1	Huyền	chấn
25	000025	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	61	4,0	1	Khánh	le'
26	000026	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	62	3,5	01	Kiên	chấn
27	000027	1101030588	Phan Thị	Liều	31/12/2004	QT11A	01	63	5,3	01	Liều	le'
28	000028	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	64	8,5	1	linh	chấn
29	000029	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	65	5,3	1	Lĩnh	le'
30	000030	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	66	2,8	1	Lộc	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	67	5,3	1	ly	le'
32	000032	1101031215	Đình Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	68	6,5	1	thit	cham
33	000033	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	69	5,0	1	minh	le'
34	000034	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	70	3,8	1		cham
35	000035	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	71	5,5	1	nga	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 19 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

(Signature)

(Signature)

Nga T. An Đào Thị Hồng Xiem



NH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-20

Học phần: Kinh doanh bất động sản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	72	8,5	01	Lu	chấn
2	000037	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	73	8,3	01	Ngoan	lê
3	000038	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	74	6,8	01	Nhung	chấn
4	000039	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	75	4,8	01	Phi	lê
5	000040	1101031222	Bùi Thu	Phuong	23/09/2005	QT11A	01	76	5,3	01	Phuong	chấn
6	000041	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	77	5,8	01	Quang	lê
7	000042	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01	78	6,4	01	Quỳnh	chấn
8	000043	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	79	6,3	01	Thái	lê
9	000044	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	80	8,5	01	Thảo	chấn
10	000045	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	81	5,8	01	Thu	lê
11	000046	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	82	6,3	01	Trung	chấn
12	000047	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	83	5,3	01	Uyên	lê
13	000048	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	84	6,0	01	Vân	chấn
14	000049	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01					HP
15	000050	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	85	4,5	01	N.Ah	chấn
16	000051	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02					HP,ĐK
17	000052	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	86	2,0	01	Ah	chấn
18	000053	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	87	5,5	01	Anh	lê
19	000054	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	88	3,3	01	Anh	chấn
20	000055	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	89	8,0	01	Biên	lê
21	000056	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	02					HP,ĐK
22	000057	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	90	1,5	01	Đạt	lê
23	000058	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	91	5,3	01	Duy	chấn
24	000059	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	92	7,5	01	Duy	lê
25	000060	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	93	6,5	01	Giang	chấn
26	000061	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	94	2,0	01	Hà	lê
27	000062	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	95	1,3	01	Hải	chấn
28	000063	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	96	5,0	01	Hằng	lê
29	000064	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	97	2,8	01	Hiếu	chấn
30	000065	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	98	2,0	01	Huệ	lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000066	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	99	3,3	01	Hùng	Chấn
32	000067	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02					ĐK
33	000068	1101030563	Hoàng Tuấn	Hung	28/08/2005	QT11B	02	101	2,0	01	Hung	Chấn
34	000069	1101030564	Lê Mai	Huong	11/08/2005	QT11B	02	100	9,0	02	Mai	Lo'
35	000070	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	102	1,3	01	Huy	Chấn



Tổng số sinh viên dự thi:.....31

Tổng số tờ giấy thi:.....31.....

Tổng số biên bản:.....2.....

Ngày 19 tháng 06.. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


 Nguyễn T. Ngọc Hà 
 Đỗ Thị Quỳnh Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kinh doanh bất động sản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000071	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	1	2,3	1	Huyền	lẻ
2	000072	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	2	3,3	1	Khuyên	chẵn
3	000073	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	3	8,3	1	Lan	lẻ
4	000074	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	4	5,8	1	gk	chẵn
5	000075	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	5	7,5	1	Linh	lẻ
6	000076	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	6	5,5	1	Anh	chẵn
7	000077	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	7	5,0	1	Linh	lẻ
8	000078	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	8	5,5	1	Linh	chẵn
9	000079	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	9	1,5	1	Lợi	lẻ
10	000080	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	10	4,3	1	ly	chẵn
11	000081	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	11	7,5	1	ly	lẻ
12	000082	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	12	3,0	1	#	chẵn
13	000083	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	13	4,8	1	Minh	lẻ
14	000084	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	14	không	1	Anh	chẵn
15	000085	1101030629	Lường Thị	Mùng	18/01/2004	QT11B	02	15	1,8	1	Mùng	lẻ
16	000086	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	16	7,3	1	Ngân	chẵn
17	000087	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	17	0,8	1	Nguyễn	lẻ
18	000088	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	18	6,3	1	Nguyệt	chẵn
19	000089	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	19	2,3	1	Như	lẻ
20	000090	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	20	7,0	1	Phong	chẵn
21	000091	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	21	5,0	01	Quân	lẻ
22	000092	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	22	3,0	1	Quân	chẵn
23	000093	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02	23	2,3	1	Quỳnh	lẻ
24	000094	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	24	6,3	1	Thảo	chẵn
25	000095	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	25	7,0	1	Thương	lẻ
26	000096	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	26	1,3	1	Tiên	chẵn
27	000097	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	27	1,5	1	Trang	lẻ
28	000098	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	28	5,8	1	Trang	chẵn
29	000099	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	29	7,3	1	Trinh	lẻ
30	000100	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	30	5,8	1	Uyên	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000101	1101030741	Thảm Thị Tô	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	31	2,5	1	Uyên	lẻ
32	000102	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	32	5,0	1	Vân	chẵn
33	000103	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	33	6,0	1	Vũ	lẻ
34	000104	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	34	3,3	1	Vy	chẵn
35	000105	1101030755	Chữ Thị	Yên	11/06/2005	QT11B	02	35	2,3	1	Yên	lẻ
36	000106	1101031368	Nguyễn Bảo	Yên	09/10/2005	QT11B	02	36	3,0	01	Yên	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 36.....

Tổng số tờ giấy thi: 36.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 19 tháng 6. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Hồng Hạng

Hoàng Thị Mây